TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2025/DS-PT
Ngày: 14-4-2025
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Mạnh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1084/2024/TLPT-DS ngày 24/12/2024, về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 474/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1983; Địa chỉ: B, Đường số A, Khu dân cư G, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Kim T: Bà Dương Mỹ L, sinh năm 1988; Địa chỉ: G, ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Văn bản uỷ quyền ngày 17/3/2021, có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Hữu T1, sinh năm 1975 (có mặt)

2. Bà Giáp Thị Hồng D, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: D Tổ A, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị D1, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

2. Công ty TNHH MTV H; Địa chỉ: D, Tỉnh lộ 870, tổ A, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu T1 (có căn cước nêu trên, có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Mai S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm Q (Xóm G), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: 98/39 M7 Termrak 4, Bang Bua T2, N, T (xin vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Mai S1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (xin vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Hữu T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 27/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị Kim T trình bày:

Ông Phạm Hữu T1 và bà Giáp Thị Hồng D là người quen của bà T. Ông T1 có huy động vốn để kinh doanh vàng tại Thái Lan và mời bà T tham gia. Ngày 04/6/2019, bà T giao cho ông T1 số tiền 3.810.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, nộp tiền mặt thông qua số tài khoản do ông T1 cung cấp. Ông T1 và bà D cam kết sẽ thay bà T mua vàng về bán lại tại Việt Nam để hưởng lợi nhuận với mức lợi nhuận 80% trên số tiền vốn bỏ ra, thời hạn tối đa là 30 ngày cho mỗi lần giao dịch, thoả thuận miệng không có làm cam kết.

Sau khi nhận tiền ông T1 bà D không thực hiện đúng cam kết, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông T1, bà D trả tiền thì ông T1 hứa và viết giấy xác nhận đề ngày 23/7/2019 nội dung có nhận của bà T số tiền 3.810.000.000 đồng và hứa sẽ trả lại tiền cho bà T nhưng đến nay không thực hiện. Nay bà T khởi kiện ông T1 và bà D yêu cầu trả số tiền vốn là 3.810.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 04/6/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 664.083.000 đồng.

Theo đơn trình bày ngày 27/12/2021, bản tự khai ngày 07/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Hữu T3 và là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV H trình bày:

Ông biết bà T thông qua bà Lê Thị Mỹ L1. Bà T là người trực tiếp sang Thái Lan để xem hình thức kinh doanh vàng của công ty R và đầu tư tiền trực tiếp, tuy nhiên do thanh khoản không được nên bà T đã liên hệ và nhờ ông chuyển tiền đến công ty R (thể hiện qua tin nhắn zalo). Ông thừa nhận ngày 04/6/2019 thông qua số tài khoản của ông, bà D và bà D1 tại ngân hàng T4, ông có nhận của bà T 3.810.000.000 đồng (có trừ 100.000.000 đồng tiền bà T đặt cọc mua đất). Sau đó, ông chuyển toàn bộ số tiền này qua tài khoản của bà

Nguyễn Thị Mai S1, và bà Nguyễn Thị Mai S tại ngân hàng T4 cùng ngày. Để bà S1 và bà S là người đại diện cho công ty S2 (có trụ sở tại Thái Lan) chuyển từ tiền Việt Nam thành đồng tiền Bath của Thái Lan và công ty S2 chuyển trực tiếp số tiền đã quy đổi ra tiền Thái Lan cho Công ty R (trụ sở tại Thái Lan) là công ty mà chị T đầu tư tiền để mua vàng và công ty R sẽ cấp giấy xác nhận đã nhận số tiền của nhà đầu tư. Ngày 23/7/2019 bà T có nhờ anh viết dùm "Giấy xác nhận" chuyển tiền làm ăn với số tiền 3.810.000.000 đồng để bà T nộp vào nơi bà bị kiện cáo. Vì nghĩ tình anh em và làm ăn đã lâu nên anh đã giúp bà T viết giấy xác nhận. Ông T3 xác nhận không nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T3 không đồng ý vì ông chỉ là người trung gian đứng ra chuyển tiền dùm bà T, ông không sử dụng số tiền của bà T để mua vàng về chia lợi nhuận như bà T trình bày.

Theo đơn trình bày ngày 27/12/2021, bản tự khai ngày 07/06/2022 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Giáp Thị Hồng D trình bày:

Bà D chỉ biết bà T là bạn làm ăn của chồng bà. Bà chỉ gặp bà T một lần là khi bà T cùng đoàn sang Thái Lan để tham quan, tìm hiểu công ty R. Bà D thống nhất có mở tài khoản tại ngân hàng T4, nhưng tài khoản này là để ông T3 giao dịch làm ăn. Bà không biết việc giao dịch làm ăn giữa bà T và ông T3 và cũng không tham gia vào việc làm ăn này của chồng. Do bận việc làm ăn nên bà D xin được vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hoà giải, phiên toà cũng như các phiên đối chất, làm việc khác theo giấy triệu tập của Toà án. Bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Theo bản tự khai ngày 23/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị D1 trình bày:

Giữa bà D1, ông T3, bà T là bạn quen biết uống cà phê. Ngày 04/6/2019, bà D1 vào ngân hàng T4 để chuyển tiền mua hàng nên có gặp bà T và ông T3 tại đây. Hai người có hỏi mượn tài khoản của bà để chuyển tiền, bà có đồng ý cho mượn số tài khoản, còn việc chuyển bao nhiêu tiền và chuyển đi đâu thì bà không biết. Bà D1 chỉ đang tìm hiểu việc mua bán vàng chứ không biết Công ty R và cũng không tham gia vào việc mua bán vàng giữa ông T3 và bà T. Bà D1 không tham gia vào giao dịch 3.810.000.000 đồng. Đồng thời bà D1 có đơn xin vắng mặt trong các phiên họp, hòa giải, xét xử vụ án của Tòa án, lý do sức khỏe không tốt.

Theo bản tường trình ngày 28/6/2023 và ngày 18/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai S trình bày:

Trước đây bà có qua lại làm việc giữa Việt Nam và Thái Lan, nhưng hiện nay đã về Việt Nam ở tại địa chỉ: Xóm G, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Công việc của bà chủ yếu là nhận mua hàng Thái Lan gửi về Việt Nam cho khách. Để tăng thêm phần tiếp cận khách hàng được dễ dàng hơn, bà có đăng số điện thoại của tôi trên mạng xã hội. Ngày 04/6/2019 ông T3 có nhờ bà thanh toán hộ khoản tiền là 5.000.000 Bath, tương đương 3.810.000.000 VND. Bà thừa nhận ông T3 đã chuyển vào số tài khoản 19028954994018 của bà và số tài khoản

19034140047018 của em bà là Nguyễn Thị Mai S1 tại ngân hàng T4 tổng cộng 3.810.000.000 đồng.

Theo yêu cầu của ông T3, bà đã dùng số tài khoản của gia đình 0498739180 mang tên S.D.D.exchangelimitet P tại ngân hàng K chuyển 5.000.000 Bath vào số tài khoản 0551694186 tại Ngân hàng K1 cho người nhận là P1 SuRaPa (G) limitet .

Bà cung cấp cho Toà án 01 bản sao kê có dấu và 01 bản email của ngân hàng K.

Trong suốt quá trình giao dịch bà chỉ liên hệ với ông T3 và không biết ông T3 là ai, cũng không hề hay biết nguồn tiền chuyển vào tài khoản bà và tài khoản em gái bà, cũng như tài khoản nhận tiền B bên Thái Lan là ai và làm gì, bà chỉ làm theo tất cả những gì ông T3 chỉ định. Do bận công việc và địa lý ở quá xa không thể trực tiếp tham gia vào vụ án được, bà có đơn đề nghị vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án các cấp.

Theo bản tự khai ngày 05/7/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai S1 trình bày: Vào ngày 04/06/2019 tôi có cho chị gái Nguyễn Thị Mai S mượn số tài khoản ngân hàng T4, 19034140047018, tên tài khoản Nguyễn Thị Mai S1, mục đích để giao dịch, nguồn tiền không rõ. Do công việc rất bận, ở xa không thể trực tiếp tham gia vào vụ án được, tôi có đơn đề nghị vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị L1 không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến cũng như xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, các Điều 35, 39, 92, 147, 189, 271, 273, Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 166 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T.

Buộc ông Phạm Hữu T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Kim T số tiền 3.810.000.000 đồng (Ba tỷ tám trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T về việc buộc bà Giáp Thị Hồng D liên đới với ông Phạm Hữu T1 trả số tiền 3.810.000.000 đồng.

[3] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T về việc buộc ông Phạm Hữu T1 và bà Giáp Thị Hồng D trả lãi của số tiền 3.810.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Kim T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu buộc ông Phạm Hữu T1 và bà Giáp Thị Hồng D trả lãi của số tiền 3.810.000.000 đồng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2024, ông Phạm Hữu T1 là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Dương Mỹ L là người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Kim T không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; ông Phạm Hữu T1 không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu; các đương sự khác vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông T1: Xác định "Giấy xác nhận công nợ" và "Giấy xác nhận đầu tư" cùng đề ngày 10/3/2020 là do ông Mana J là giám đốc Công ty P3 ký xác nhận và cung cấp cho Toà án; các bản sao kê và thư điện tử do bà S cung cấp cho Toà án, ông biết được qua nội dung bản án sơ thẩm. Ông đã cung cấp cho bà T bản chính "Gold Coupon M" (còn gọi là "Booking Gold") đề ngày 04/6/2019 do Công ty P4 phát hành. Bà T đã từng qua Thái Lan đầu tư vàng nhưng do không thanh toán được nên đã nhờ ông thanh toán các coupon trước đây nên lần này cũng vậy; ông không phải là người kêu gọi bà T đầu tư. Ông đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

2. Bà L: Xác định ông T1 kêu gọi bà T đầu tư vàng, bà T giao tiền cho ông T1 với tư cách là nhà đầu tư, điều này thể hiện tại giấy xác nhận của ông T1 ngày 23/7/2019 và các sao kê chuyển tiền. Bà T không nhận được bản chính "Booking Gold" ngày 04/6/2019 như ông T1 trình bày. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông T1 làm

trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

- Về yêu cầu kháng cáo của ông T1: Các chứng cứ do các đương sự cung cấp được lập bằng chữ Thái Lan, không được hợp pháp hoá lãnh sự nhưng Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là chưa có cơ sở vững chắc. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phạm Hữu T1 làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 phải trả cho bà 3.810.000.000 đồng và lãi suất. Bà Nguyễn Thị Mai S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư trú tại Thái Lan. Đây là vụ án tranh chấp đòi tài sản có đương sự đang cư trú ở nước ngoài. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xác định tư cách đương sự: Ông T1 cho rằng số tiền bà T chuyển cho ông, ông đã chuyển cho bà S và bà S đã chuyển cho Công ty P4 để đặt vàng cho bà T. Như vậy việc chuyển tiền, đặt vàng này có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của Công ty P4. Toà án cấp sơ thẩm không đưa Công ty này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Về việc thu thập chứng cứ:

- Ông T1 cung cấp cho Toà án "Giấy xác nhận công nợ" ngày 10/3/2020 (bút lục số 172) thể hiện ông Mana J và ông Tawit P2 xác nhận bà T đã nộp 5 triệu Bath vào Công ty P3 và "Giấy xác nhận đầu tư" cùng ngày 10/3/2020 (bút lục số 171) có nội dung như "Giấy xác nhận công nợ" nêu trên, phía dưới cùng của tài liệu này có chữ ký bằng ngôn ngữ Thái Lan;

- Bà S cung cấp cho Toà án Bản sao kê, thư điện tử của Ngân hàng K1 (bút lục số 265, 266) và xác định đã dùng số tài khoản 0498739180 của Công ty S3 là công ty của gia đình bà, mở tại Ngân hàng K1 chuyển 5 triệu Bath mà ông T1 nhờ đến số tài khoản 0551694186 của Công ty P3.

Toà án cấp sơ thẩm chưa thực hiện uỷ thác tư pháp quốc tế đến Toà án có thẩm quyền của Thái Lan để điều tra làm rõ một số vấn đề như bà S có chuyển số tiền như ông T1 nhờ đến Công ty P3 không; Công ty P3 có chức năng kinh

doanh vàng hay không; quy trình đầu tư vàng như thế nào; "Booking Gold" mà các đương sự cung cấp cho Toà án có phải do Công ty P3 phát hành hay không; tại sao Công ty P3 không giao vàng cho bà T hoặc ông T1; đồng thời Toà án cấp sơ thẩm cũng không dịch các tài liệu này sang tiếng Việt và hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ, mà các vi phạm, thiếu sót này không thể bổ sung, khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do đó, cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[6] Việc ông T1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên ông T1 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hữu T1.

[2] Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả cho ông Phạm Hữu T1 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 413 ngày 10/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Văn Khoa